

Số: 2092/QĐ-BTTTT

Hà Nội, ngày 31 tháng 12 năm 2014

QUYẾT ĐỊNH
Về việc chỉ định Phòng đo kiểm

BỘ TRƯỞNG BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG

Căn cứ Nghị định số 132/2013/NĐ-CP ngày 16/10/2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Thông tin và Truyền thông;

Căn cứ Quyết định số 50/2006/QĐ-BBCVT ngày 01/12/2006 của Bộ trưởng Bộ Bưu chính, Viễn thông (nay là Bộ Thông tin và Truyền thông) quy định về chỉ định phòng đo kiểm phục vụ công tác quản lý chất lượng thuộc quản lý chuyên ngành của Bộ Bưu chính, Viễn thông;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Khoa học và Công nghệ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Chỉ định phòng đo kiểm:

Trung tâm đo kiểm và dịch vụ phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử

Thuộc: Cục Phát thanh truyền hình và Thông tin điện tử

đáp ứng đầy đủ các yêu cầu về chỉ định phòng đo kiểm phục vụ công tác quản lý chất lượng thuộc quản lý chuyên ngành của Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành kèm theo Quyết định số 50/2006/QĐ-BBCVT với danh mục được chỉ định tại Phụ lục kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Phòng đo kiểm có tên tại Điều 1 phải tuân thủ đầy đủ các yêu cầu đối với phòng đo kiểm được chỉ định theo quy định hiện hành.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực trong thời hạn 03 (ba) năm kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Khoa học và Công nghệ, Cục trưởng Cục Phát thanh truyền hình và Thông tin điện tử và các cơ quan, tổ chức có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. *le*

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Trung tâm Thông tin (để đăng website);
- Các Tổ chức chứng nhận hợp quy (để th/hiện);
- Các Tổ chức kiểm định (để th/hiện);
- Lưu: VT, KHCN.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG



Nguyễn Thành Hưng

Phụ lục
DANH MỤC ĐƯỢC CHỈ ĐỊNH

(kèm theo Quyết định số ~~2092~~ /QĐ-BTTTT ngày 31 tháng 12 năm 2014
của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông)

1. Tên phòng đo kiểm được chỉ định:

Trung tâm đo kiểm và dịch vụ phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử
Thuộc: Cục Phát thanh truyền hình và Thông tin điện tử

Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức được quy định tại Quyết định số 1237/QĐ-BTTTT ngày 01/9/2009 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông.

Địa chỉ: 110-112 Bà Triệu, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội.

2. Danh mục được chỉ định:

| TT | Danh mục | Quy định kỹ thuật, tiêu chuẩn, chỉ tiêu kỹ thuật |
|-----------|--|--|
| I | Chất lượng dịch vụ | |
| 1 | Dịch vụ truyền hình cáp tương tự | Thông tư số 18/2009/TT-BTTTT ngày 28/5/2009 ⁽¹⁾ |
| 2 | Tín hiệu truyền hình cáp số DVB-C tại điểm kết nối thuê bao | QCVN 85:2014/BTTTT |
| 3 | Dịch vụ IPTV trên mạng viễn thông công cộng cố định | QCVN 84:2014/BTTTT |
| 4 | Chất lượng tín hiệu truyền hình số vệ tinh DVB-S và DVB-S2 tại điểm thu | QCVN 79:2014/BTTTT |
| II | Sản phẩm viễn thông và công nghệ thông tin | |
| 5 | Máy phát hình | TCVN 5831:1999 ⁽²⁾ |
| 6 | Máy phát thanh sóng cực ngắn (FM) | TCVN 6850-1:2001 TCVN 6850-2:2001 |
| 7 | Thiết bị phát hình sử dụng công nghệ tương tự | QCVN 17:2010/BTTTT ⁽³⁾ |
| 8 | Thiết bị thu phát vô tuyến điện | QCVN 47:2011/BTTTT ⁽⁴⁾ |
| 9 | Thiết bị phát thanh quảng bá sử dụng kỹ thuật điều biên (AM) | QCVN 29:2011/BTTTT ⁽⁵⁾ |
| 10 | Thiết bị phát thanh quảng bá sử dụng kỹ thuật điều tần (FM) | QCVN 30:2011/BTTTT ⁽⁶⁾ |
| 11 | Thiết bị phát hình quảng bá mặt đất sử dụng kỹ thuật số DVB-T | QCVN 31:2011/BTTTT ⁽⁷⁾ |
| 12 | Thiết bị thu phát vô tuyến sử dụng kỹ thuật điều chế trải phổ trong băng tần 2,4 GHz | QCVN 54:2011/BTTTT |
| 13 | Thiết bị truyền thanh không dây sử dụng kỹ thuật điều tần (FM) băng tần từ 54 MHz đến 68 MHz | QCVN 70:2013/BTTTT ⁽⁸⁾ |
| 14 | Thiết bị vô tuyến cự ly ngắn dải tần 25 MHz-1GHz | QCVN 73:2013/BTTTT |
| 15 | Thiết bị truyền dẫn dữ liệu tốc độ thấp dải tần 5,8 GHz ứng dụng trong lĩnh vực giao thông vận tải | QCVN 75:2013/BTTTT |
| 16 | Thiết bị truyền dẫn dữ liệu tốc độ cao dải tần 5,8 GHz ứng dụng trong lĩnh vực giao thông | QCVN 76:2013/BTTTT |

| TT | Danh mục | Quy định kỹ thuật, tiêu chuẩn, chỉ tiêu kỹ thuật |
|------------|---|--|
| | vận tải | |
| 17 | Máy phát hình kỹ thuật số DVB-T2 | QCVN 77:2013/BTTTT ⁽⁹⁾ |
| III | Thiết bị viễn thông và đài vô tuyến điện | |
| 18 | Trạm truyền dẫn phát sóng vô tuyến điện | QCVN 8:2010/BTTTT QCVN 9:2010/BTTTT ⁽¹⁰⁾ QCVN 32:2011/BTTTT |
| 19 | Đài phát thanh, truyền hình | QCVN 78:2014/BTTTT |
| 20 | Mạng cáp phân phối tín hiệu truyền hình | QCVN 71:2013/BTTTT ⁽¹¹⁾ |

Ghi chú:

- ⁽¹⁾ Áp dụng các chỉ tiêu kỹ thuật tại Điều 3, Thông tư số 18/2009/TT-BTTTT;
- ⁽²⁾ Các phép đo yêu cầu thực hiện tại nơi lắp đặt thiết bị;
- ⁽³⁾ Không áp dụng đối với các chỉ tiêu tại mục 2.3 của QCVN 17:2010/BTTTT;
- ⁽⁴⁾ Áp dụng Quy hoạch phổ tần số vô tuyến điện quốc gia và Thể lệ thông tin vô tuyến thế giới của ITU;
- ⁽⁵⁾ Không áp dụng đối với các chỉ tiêu tại mục 2.3 của QCVN 29:2011/BTTTT;
- ⁽⁶⁾ Không áp dụng đối với các chỉ tiêu tại mục 2.3 của QCVN 30:2011/BTTTT;
- ⁽⁷⁾ Không áp dụng đối với các chỉ tiêu tại mục 2.1.3 và 2.2 của QCVN 31:2011/BTTTT;
- ⁽⁸⁾ Không áp dụng đối với các chỉ tiêu tại các mục 2.3 của QCVN 70:2013/BTTTT;
- ⁽⁹⁾ Không áp dụng đối với các chỉ tiêu về tương thích điện từ của QCVN 77:2013/BTTTT;
- ⁽¹⁰⁾ Chỉ áp dụng đối với các chỉ tiêu kỹ thuật về tiếp đất chống sét và tiếp đất bảo vệ;
- ⁽¹¹⁾ Không áp dụng đối với các chỉ tiêu tại mục 2.1.2 của QCVN 71:2013/BTTTT.